

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HS-ST

Ngày: 02 - 6 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Diệm và Ông Vũ Quyết Chiến

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị C, sinh năm 1980 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Đại T (đã chết) và bà Phạm Thị L (tên gọi khác: Phạm Thị Hồng L), sinh năm 1950; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không

Về nhân thân:

Ngày 08/6/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Môi giới mại dâm*” (Tại Bản án số 47/2007/HSPT ngày 08/6/2007);

Ngày 16/12/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*” (Tại Bản án số 224/2011/HSPT ngày 16/12/2011);

Ngày 25/12/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là Thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày tù về tội “*Đánh bạc*” (Tại Bản án số 126/2017/HSST ngày 25/12/2017);

Ngày 04/3/2020, bị Công an Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPVPHC với số tiền 200.000 đồng về hành vi bán dâm.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2020 cho đến nay, “bị cáo có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Huỳnh Thị N (tên gọi khác: T), sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 01A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Anh Nguyễn Văn C (tên gọi khác: T), sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”;

Ông Trương Văn H, sinh năm 1967; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 10, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 01/2018 Trần Thị C cùng với Nguyễn Văn C cùng nhau thuê lại quán cà phê “Tình C” tại khu phố P, phường T, thành phố Đ của chị Nguyễn Thị Duyên A để bán cà phê. Để thu hút khách đến quán, C sẽ thực hiện việc bán dâm cho khách đến quán uống nước khi khách có nhu cầu, mỗi lần bán dâm với số tiền 350.000 đồng, tiền nhà nghỉ C sẽ tự thanh toán.

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 16/01/2020 C và C đang ở quán thì có anh Nguyễn Văn Minh đến quán uống nước và hỏi việc mua dâm thì C đồng ý đi bán dâm cho anh Minh ở nhà nghỉ “Lâm N”. Trong lúc C đang đi bán dâm thì anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn B đến quán cà phê “Tình C” uống nước và đặt vấn đề tìm gái mua dâm nên C sử dụng điện thoại di động số 0973.768.719 C C (C đi bán dâm không mang theo điện thoại) gọi điện cho Hoàng Thị H đến bán dâm cho khách nhưng H không đi nên C không liên hệ với ai nữa. Lúc này C cũng đi bán dâm cho anh M xong quay về lại quán thấy anh B và anh L đang ngồi uống nước tại quán nên C vào ngồi nói chuyện cùng. Anh B hỏi C có đi chơi không (đi bán dâm) thì C trả lời “Có”. Do thấy có một mình C nên anh B nói cần thêm một người nữa nên C sử dụng điện thoại di động số 0973.768.719 gọi cho H đến bán dâm nhưng không gọi được. C điều khiển xe mô tô biển số 66F1-663.48 đến quán cà phê “Trúc X” thuộc khu phố 4, phường T, thành phố Đ gặp Phan Thị H rủ đi bán dâm nhưng H không đi nên C điều khiển xe mô tô đi lòng vòng các quán cà phê để tìm gái bán dâm cùng nhưng không gặp được ai. Lúc này C điều khiển xe mô tô quay lại quán, trên đường về đi ngang qua quán cà phê “Trúc X” thấy Huỳnh Thị N là nhân viên C quán đang nằm vông phía trước quán nên rủ đi bán dâm thì N đồng ý, sau đó C và N cùng đi về quán “Tình C”. Tại đây anh B hỏi giá bán dâm bao nhiêu thì C trả lời 350.000 đồng/lần/người, tiền phòng C và N trả thì anh B và anh L đồng ý và trả tiền nước uống cho C với số tiền 100.000 đồng. Sau đó C, N, B và L điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ “Hoa H” thuộc tổ 02, khu phố P, phường T, thành phố

Đ do ông Trương Văn H làm chủ để thực hiện hành vi mua bán dâm. Tại đây L và N vào phòng số 01 còn C và B vào phòng số 3 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Trước khi tất cả vào phòng thì N nhận tiền bán dâm từ anh B số tiền 800.000 đồng (anh B, anh L cho C và N mỗi người thêm 50.000 đồng), N đưa lại cho C số tiền 400.000 đồng. Khi tất cả đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an thành phố Đ tiến hành bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung số sim 0968.507.347; Số tiền 865.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 93H5-1022; 01 xe mô tô biển số 66F1-663.48; 01 sổ tiếp nhận lưu trú, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44A8010396, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự số 63/GCN, 01 biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy số 21-2018/BBKT; 01 giỏ xách màu đen, có dây đeo kích thước (10x15)cm; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu hồng; Số tiền 16.820.000 đồng.

Ngày 27/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản 01 xe mô tô biển số 66F1-633.48 cho anh Nguyễn Văn C; trả 01 xe mô tô biển số 96H5-1022 cho chị Huỳnh Thị N. Ngày 04/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản 01 sổ tiếp nhận lưu trú, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44A8010396, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự số 63/GCN, 01 biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy số 21-2018/BBKT cho ông Trương Văn H, trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4 màu vàng đồng số sim 1968.507.347 cho chị Huỳnh Thị N.

Tại Bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ đã truy tố bị cáo Trần Thị C về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị C mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 865.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng và trả lại cho bị cáo Trần Thị C 01 điện thoại Iphone 6 plus màu hồng, 01 giỏ xách màu đen và số tiền 16.820.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị C tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến; phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tài sản, với kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng hình thức làm trung gian môi giới người có nhu cầu mua dâm cho người bán dâm nên khoảng 20 giờ ngày 16/01/2020 Trần Thị C từ quán cà phê “Tinh C” chạy xe mô tô tìm gặp Huỳnh Thị N để rủ N lên nhà nghỉ “Hoa H” thuộc tổ 02, khu phố P, phường T, thành phố Đ bán dâm cho anh Nguyễn Văn L còn C bán dâm cho anh Nguyễn Văn B khi đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an thành phố Đ kiểm tra hành chính phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội môi giới mại dâm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi làm trung gian, môi giới để người khác thực hiện việc mua bán dâm là hành vi vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mong muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa tại địa phương nơi có tội phạm xảy ra và là một trong những nguyên nhân làm lây lan các căn bệnh xã hội cần được loại trừ. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về nhân thân bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về tội “Môi giới mại dâm”: Ngày 08/6/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Ngày 16/12/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Ngày 25/12/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là Thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày tù về tội “*Đánh bạc*”. Ngày 04/3/2020, bị Công an Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPVPHC với số tiền 200.000 đồng về hành vi bán dâm. Vì vậy cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi bán dâm của Huỳnh Thị N và bị cáo C. Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính mỗi người số tiền 200.000 đồng về hành vi “Bán dâm” theo khoản 1 Điều 23 C Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Đối với Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn L là người có hành vi mua dâm, Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính mỗi người số tiền 750.000 đồng về hành vi “Mua dâm” theo khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Đối với bà Nguyễn Thị Duyên A là chủ quán cà phê “Tình C”, khi cho C thuê lại quán để buôn bán cà phê, bà A không biết bị cáo sử dụng địa điểm của quán làm địa điểm giao dịch mua bán dâm nên không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Văn C có hành vi gọi điện thoại cho Hoàng Thị H đến quán cà phê “Tình C” để bán dâm nhưng H không nghe máy nên hành vi của Nguyễn Văn C chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” nên không đề cập xử lý.

Đối với ông Trương Văn H là chủ nhà nghỉ “Hoa H” quá tình điều tra xác định ông H không biết bị cáo C, chị N, anh L và anh B đến thuê phòng nghỉ thực hiện hành vi mua bán dâm nên không đề cập xử lý.

[6] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với số tiền 865.000 đồng thu giữ được khi bắt quả tang, đây là số tiền có được từ hành vi phạm tội do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; cần tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng. Đối với 01 giỏ xách, 01 điện thoại Iphone 6 và số tiền 16.820.000 đồng, đây là tài sản cá nhân của bị cáo C, không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị C phạm tội “Môi giới mại dâm”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/01/2020.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 865.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng và trả lại cho bị cáo Trần Thị C 01 giỏ xách màu đen đã cũ, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng đã cũ (không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) và số tiền 16.820.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001803, quyển số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

4. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An

